

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 72/2021/HS-ST

Ngày: 21/12/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Th.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn D;

Bà Nguyễn Thị Ch - Nguyên hiệu trưởng trường tiểu học số 1, thị trấn Đ, tỉnh G.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền B – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. HL. Sinh ngày 15/02/2003 tại G. Nơi cư trú: Thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh G. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 5/12. Dân tộc: Ja Rai. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Công giáo. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hlam và bà Son. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 10/8/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê, tỉnh G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000048/QĐ-XPHC về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 11/8/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

2. L. Sinh ngày 09/6/2003 tại G. Nơi cư trú: Thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh G. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Gia Rai. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 03/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Giới tính: Nam. Con ông Klach (đã chết) và bà Bin. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 10/8/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê, tỉnh G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000050/QĐ-XPHC về hành vi trộm

cấp tài sản. Ngày 11/8/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

3. HNH. Sinh ngày 01/01/2003 tại G (tại Bản Kết luận giám định pháp y độ tuổi số 860/C09C-Đ3 ngày 12/7/2021, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, HNH mới 17 năm tuổi). Nơi cư trú: Thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh G. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Gia Rai. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 00/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Giới tính: Nam. Con ông HNhih và bà HYech. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 10/8/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê, tỉnh G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000051/QĐ-XPHC về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 11/8/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

4. TH. Sinh ngày 18/4/2000, tại tỉnh G. Nơi cư trú: Thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh G. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Ja Rai. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Giới tính: Nam. Con ông DJãi và bà Đem. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 10/8/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê, tỉnh G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000047/QĐ-XPHC về hành vi trộm cắp tài sản. Bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 67/2021/HS-ST ngày 26/11/2021. Ngày 18/6/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tạm giữ sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Ngày 11/8/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

5. B. Sinh năm 1998 tại G. Nơi cư trú: Thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh G. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Gia Rai. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 03/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Giới tính: Nữ. Con ông Klach (đã chết) và bà BE. Bị cáo không có chồng và có một người con sinh năm 2016. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Ngày 11/8/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

6. V. Sinh năm 1992 tại G. Nơi cư trú: Thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh G. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Gia Rai. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 01/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông KRot (Đã chết) và bà HLũk. Bị cáo có vợ là Son và có hai người con, sinh năm 2011 và năm 2014. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Ngày 11/8/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

- Bị hại:

Anh DN, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn Châm Prông, xã IB, huyện Đ, tỉnh G.

Anh HM, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn Châm Prông, xã IB, huyện Đ, tỉnh

G.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh BE, sinh ngày 20/3/2004. Trú tại: Thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh

G.

Anh HG, sinh ngày 01/6/2006. Trú tại: Thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh

G.

- Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh BE: Ông BU, sinh năm 1964. Trú tại: Thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh G – là bố anh BE.

- Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh HG: Ông Hnih, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh G – là bố anh HG.

- Người phiên dịch: Ông KL. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình điều tra mở rộng vụ án trộm cắp tài sản xảy ra ngày 17/6/2021 tại thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh G, đối tượng BE (sinh ngày 20/3/2004, trú tại thôn Bông Lar, xã IB, huyện Đ, tỉnh G) còn khai nhận trước đó đã cùng với HL, L, HNH và HG (sinh ngày 01/6/2006, trú cùng thôn) thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thôn Châm Prông, xã IB, huyện Đ, tỉnh G, cụ thể:

Trong tháng 7 năm 2020, khi đi làm thuê tại thôn Châm Prông, xã IB, huyện Đ, tỉnh G, BE phát hiện thấy nhiều vườn cà phê có máy bơm đặt trong giếng nước nhưng không có người trông coi. Khoảng 01 tuần sau, khi đang ngồi chơi tại sân bóng thuộc thôn Bông Lar, xã IB cùng với HL, L, HNH, HG thì BE nảy sinh ý định trộm cắp máy bơm tại rẫy cà phê thuộc thôn Châm Prông, xã IB nên đã rủ tất cả cùng đi trộm cắp và HL, L, HNH, HG đồng ý. BE dẫn đường cho cả nhóm đi bộ qua thôn Châm Prông đến vườn cà phê của anh DN (sinh năm 1983) phát hiện thấy giếng nước tại đây có nắp đậy bằng bê tông đã bị bẻ thành hai phần nên cùng nhau bê nắp giếng sang một bên. Cả nhóm dùng tay kéo máy bơm dưới giếng lên, sau đó giật đứt dây điện, tháo dây thùng và ống nước nối với máy bơm rồi L vác máy bơm cùng cả nhóm đi theo BE tiếp tục trộm cắp. BE dẫn cả nhóm đi đến vườn cà phê của anh HM (sinh năm 1982) thấy có giếng nước được đậy bằng cành cây cà phê khô nên đã cùng nhau kéo máy bơm lên, sau đó giật đứt dây điện, tháo dây

thùng và ống nước nối với máy bơm. Cả nhóm thay nhau vác hai máy bơm vừa trộm được về cất giấu trong một vườn cà phê tại ngã ba thôn Bông Lar và thôn Châm Prông (không nhớ rõ vị trí) rồi cả nhóm đi về.

Đến khoảng 16 giờ ngày hôm sau, khi BE đang đi chơi trong thôn thì gặp TH đang điều khiển xe Honda Winner biển số 81B2 – 853.99 nên BE mượn xe mô tô trên của TH đi đến nhà B để hỏi bán máy bơm. Khi đến gặp B thì BE hỏi “*Chị có mua máy bơm không?*”, B nói “*Có, bán bao nhiêu?*”, BE nói “*Một triệu ba*” thì B nói “*Đắt quá, không mua đâu, tám trăm thì mua*”, BE đồng ý bán và nói “*Tối em mang qua*” rồi điều khiển xe mô tô về trả cho TH. Khoảng 17 giờ cùng ngày, BE đi ra đường chơi thì gặp TH nên nói “*Đi lấy máy bơm với tao*”, TH hỏi “*Máy bơm ở đâu?*”, BE nói “*Máy bơm trộm*”. TH không hỏi gì thêm và điều khiển xe mô tô biển số 81B2 – 853.99 chở BE đi đến vườn cà phê để lấy máy bơm. Khi đến nơi, TH đứng ngoài đường chờ còn BE đi vào trong vườn cà phê vác một máy bơm hiệu Daphovina ra rồi cả hai đi đến nhà B. TH dừng xe và đứng chờ ngoài đường còn BE vác máy bơm vào nhà B. Sau khi xem máy bơm xong, tuy biết đây là tài sản do BE trộm cắp mà có nhưng vì thấy rẻ và đang có nhu cầu sử dụng nên B đã đồng ý mua chiếc máy bơm này và đưa cho BE số tiền 800.000 đồng. BE cầm tiền và đi ra chỗ TH đứng rồi cả hai điều khiển xe về sân bóng thuộc thôn Bông Lar, xã IB thì gặp L, Hnhung, HG, HL đang đứng chơi. BE kể lại việc bán máy bơm cho cả nhóm cùng nghe rồi dùng số tiền do B trả để mua đồ cho cả nhóm ăn nhậu hết.

Sau đó khoảng 01 tuần, HG đi chơi trong thôn thì thấy V đang làm cỏ trong vườn cà phê nên hỏi “*Anh có mua máy bơm không?*”, V nói “*Có, bán bao nhiêu?*”, HG nói “*Chín trăm*”, V đồng ý mua và không hỏi gì thêm. HG đi đến vị trí đã cất giấu máy bơm trộm cắp trước đó vác chiếc máy bơm nhãn hiệu TD đến vườn cà phê cho V xem. Sau khi xem máy bơm xong, biết đây là tài sản do HG trộm cắp mà có nhưng vì thấy rẻ và đang có nhu cầu sử dụng nên V đồng ý mua rồi đưa cho HG số tiền 900.000 đồng. Sau đó, khi gặp BE, HL, L, HNH tại sân bóng thôn Bông Lar, HG đã kể lại việc bán máy bơm cho cả nhóm nghe rồi dùng số tiền này mua đồ cho cả nhóm ăn nhậu hết.

Ngày 21/6/2021, B và V đã giao nộp hai chiếc máy bơm đã tiêu thụ nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.

Theo kết luận định giá tài sản số 66/KL-ĐGTS ngày 13/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: Một máy bơm nước hiệu Daphovina, loại 01 pha, bơm chìm, công suất 03HP có trị giá 2.200.000 đồng; Một máy bơm nước hiệu TD, loại 01 pha, bơm chìm, công suất 03HP có trị giá 2.790.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 4.990.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc máy bơm nước nhãn hiệu Daphovina, công suất

03HP cho anh DN và trả lại chiếc máy bơm nước nhãn hiệu TD, công suất 03HP cho anh HM.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển số 81B2-853.99 mà TH sử dụng làm phương tiện tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của TH nên chuyển theo vụ án để xử lý trong giai đoạn xét xử.

- *Về dân sự*: Hiện anh DN và anh HM đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 66/CT-VKS ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố các bị cáo HL, L và HNH có lý lịch nêu trên về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo TH, B và V có lý lịch nêu trên về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo HL, L và HNH; các bị cáo TH, B và V và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 90; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo HL từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*chín*) tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 90; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*chín*) tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 90; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo HNH từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*chín*) tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo TH từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*chín*) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 và Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo TH. Tổng hợp hình phạt của Bản án này với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định pháp luật.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo B từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*chín*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (*một*) năm đến 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/12/2021).

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo V từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*chín*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (*một*) năm đến 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/12/2021).

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Truy thu các bị cáo HL, L, HNH, TH và anh BE, anh HG số tiền 800.000đồng và 900.000đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật. Tịch thu 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển số 81B2-853.99 và giấy đăng ký xe vào Ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo HL, L, HNH, TH, B và V phải chịu 200.000đồng án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo TH, B và V nói lời nói sau cùng, các bị cáo HL, L và HNH không nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào tháng 7 năm 2020 tại thôn Châm Prông, xã IB, huyện Đ, tỉnh G, HL, L và HNH thực hiện hành vi trộm cắp một máy bơm nước nhãn hiệu Daphovina, loại 01 pha, bơm chìm, công suất 03HP của anh DN trị giá 2.200.000 đồng và một máy bơm nước nhãn hiệu TD, loại 01 pha, bơm chìm, công suất 03HP của anh HM có trị giá 2.790.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 4.990.000 đồng. TH, B và V biết rõ hai chiếc máy bơm này là tài sản do trộm cắp mà có nhưng TH vẫn đồng ý dùng xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 81B2-853.99 của mình làm phương tiện chở máy bơm đi bán và B, V vẫn đồng ý mua.

Đây là vụ án do nhiều bị cáo cùng thực hiện tội phạm nhưng không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm cụ thể nên chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng nhau trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

Như vậy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Các bị cáo HL, L và HNH đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá trên 2.000.000 đồng, vì vậy hành vi của các bị cáo HL, L và

HNH đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo TH biết rõ tài sản do người khác trộm cắp nhưng vẫn đồng ý dùng xe mô tô của mình làm phương tiện để chở đi tiêu thụ. Các bị cáo B và V biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua để sử dụng, nên hành vi của các bị cáo TH, B và V đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội của mình.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Hai bị cáo B và V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, các bị cáo HL, L, HNH và TH được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo B và V được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo HL, L và HNH phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng những tình tiết giảm nhẹ đặc biệt quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo HL, L, HNH và TH có nhân thân xấu. Các bị cáo B và V có nhân thân tốt.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo HL, L và HNH hai lần thực hiện hành vi trộm cắp đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, các bị cáo HL, L và HNH phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo TH, B và V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt:

Các bị cáo HL, L, HNH là đồng phạm trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với vai trò giúp sức rất tích cực cho anh BE. Bị cáo TH biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn dùng xe mô tô của mình làm phương tiện để chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, quá trình phạm tội rất tích cực. Vì vậy, các bị cáo HL, L, HNH và TH phải nhận mức án tương xứng với hành vi, vai trò của mình. HĐXX xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo B và V là người có đủ khả năng nhận thức được rằng hành vi tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Vì vậy, các bị cáo B và V phải nhận mức án tương xứng với hành vi, vai trò của mình. Qua xem

xét quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo B và V có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Do vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo B và V được hưởng án treo để tạo điều kiện cho các bị cáo được rèn luyện bản thân thành công dân có ích cho xã hội và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với HG và BE tính đến thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp (tháng 7/2020), HG mới 14 năm 01 tháng tuổi và BE mới 15 năm 06 tháng tuổi (theo Bản Kết luận giám định pháp y độ tuổi số 861/C09C-Đ3 ngày 12/7/2021) nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xử lý hình sự đối với HG và BE đối với hành vi trộm cắp này là có căn cứ.

Anh BE, anh HG và các bị cáo HL, L, HNH và TH phải liên đới nộp số tiền 800.000đồng do bán tài sản trộm cắp mà có cho bị cáo B vào Ngân sách nhà nước, trong đó: anh BE nộp số tiền 135.000đồng; anh HG và các bị cáo HL, L, HNH, TH nộp số tiền 133.000đồng/01 người.

Anh BE, anh HG và các bị cáo HL, L, HNH phải liên đới nộp số tiền 900.000đồng do bán tài sản trộm cắp mà có cho bị cáo V vào Ngân sách nhà nước, trong đó: Anh BE, anh HG và các bị cáo HL, L, HNH nộp số tiền 180.000đồng/01 người.

[5] Về dân sự:

Bị hại anh DN và anh HM đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường gì. Vì vậy HĐXX không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô màu đen, biển số 81B2-853.99 (đã bị gãy rời khỏi xe), nhãn hiệu Honda, số loại Winner; dung tích xi lanh 149; số máy KC26E1116505; số khung: RLHKC2602GY082828; tình trạng xe: đã cũ mà bị cáo TH sử dụng làm phương tiện tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của TH nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy (cấp ngày 17/6/2020) biển số 81B2-853.99, mang tên TH. Xét vật chứng liên quan hành vi phạm tội của bị cáo TH nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu 200.000đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo HL;

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo HNH;
- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo TH;
- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo B;
- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V;
- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự;
- Căn cứ Điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo HL, L, HNH phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tuyên bố các bị cáo TH, B và V phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo HL 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo L 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo HNH 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo TH 08 (*tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Tổng hợp hình phạt của Bản án này với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xử phạt bị cáo TH 15 (*mười lăm*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 18/6/2021). Thì bị cáo TH phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 23 (*hai mươi ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 18/6/2021).

Xử phạt bị cáo B 07 (*bảy*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (*mười bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/12/2021).

Xử phạt bị cáo V 07 (*bảy*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (*mười bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/12/2021).

Giao các bị cáo B và V cho Ủy ban nhân dân xã IB, huyện Đ, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Buộc: Anh HG và các bị cáo HL, L, HNH phải nộp số tiền 313.000đồng (*ba trăm mười ba nghìn đồng*); bị cáo phải TH nộp số tiền 133.000đồng và anh BE phải nộp số tiền 315.000đồng do bán tài sản trộm cắp mà có vào Ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô màu đen, biển số 81B2-853.99 (đã bị gãy rời khỏi xe), nhãn hiệu Honda, số loại Winner; dung tích xi lanh 149; số máy KC26E1116505; số khung: RLHKC2602GY082828; tình trạng xe: đã cũ và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy (cấp ngày 17/6/2020) biển số 81B2-853.99, mang tên TH.

Theo Biên bản V/v giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/11/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G với Công an huyện Đ, tỉnh G.

4. Về án phí:

Xử buộc các bị cáo HL, L, HNH, TH, B và V mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/12/2021), các bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G;
- Cơ quan Thi hành án tỉnh G;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã IB, huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Th

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

